

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HC-ST

Ngày: 18/9/2017

V/v “*Khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý Nhà nước về đất
đai*”

**NHÂN DANH
NU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Đình Nghị**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Phan Thị Sáu**
Ông **Lương Sĩ Tư Hoài**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Đặng Thị Thới** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tư** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2017/TLST- HC ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐST-HC ngày 07 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Xóm 6, thôn 15, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người đại diện theo pháp luật:* ông **Trần Đình S**. Chức vụ: Chủ tịch.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* ông **Trần Đức C**. Chức vụ: Phó Chủ tịch.

(Theo văn bản ủy quyền số 32/UQ-UBND ngày 21/4/2017)

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

Ông **Vũ Hồng L** – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D.

(Theo văn bản ngày 21/4/2017)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Nguyễn Thế P**, sinh năm: 1988;

Bà **Trần Thị U**, sinh năm: 1988

Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã L, huyện B.

(Ông T có mặt;

Các đương sự khác có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/3/2017, người khởi kiện ông Nguyễn Mạnh T trình bày:

Nguyên diện tích 14.680m² Thuộc thửa 52 TBĐ 62 tại xã Đ, huyện D được UBND huyện D cấp GCN QSD đất số BU 438425 cho ông bà Nguyễn Thế P – Trần Thị U ngày 12/5/2014.

Ngày 17/3/2016, ông P – bà U lập hợp đồng chuyển nhượng lại T1 bộ diện tích đất này và cây trồng trên đất cho vợ chồng ông và vợ là Dương Thị T (*Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất được Văn phòng công chứng D chứng thực ngày 17/3/2016*). Trên cơ sở đó, vợ chồng ông bà liên hệ với UBND huyện D hoàn thành thủ tục sang tên trên GCN QSD đất. Tuy nhiên, theo báo cáo số 155/BC/VPĐKĐĐ thể hiện thì một phần diện tích đất được cấp sổ cho ông P – bà U hiện tại do bà Nguyễn Thị T1 đang trực tiếp quản lý và sử dụng. Đồng thời, bà T1 đã được UBND huyện D cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất này nên UBND huyện D không thể sang tên trên GCN QSD đất cho ông T – bà T2 đối với diện tích nhận chuyển nhượng Thuộc thửa 52 TBĐ 62 trên.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy GCN QSD đất số BU 438425 do UBND huyện D cấp cho ông bà Nguyễn Thế P – Trần Thị U ngày 12/5/2014 và buộc UBND huyện D cấp lại GCN QSD đất cho ông bà phù hợp với thực trạng sử dụng đất và phù hợp với hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 17/3/2016.

**** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - ông Trần Đức C trình bày thì:***

Đối với GCN QSD đất liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh T được UBND huyện D cấp theo trình tự thủ tục quy định của Luật đất đai và dựa trên cơ sở Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng, chứng thực theo quy định.

Nay ông Nguyễn Mạnh T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy GCN QSD đất số GCN QSD đất số BU 438425 do UBND huyện D cấp cho ông bà Nguyễn Thế P – Trần Thị U ngày 12/5/2014, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thế P, bà Trần Thị U trình bày:***

Nguyên diện tích 14.680m² Thuộc thửa 52 TBĐ 62 tại xã Đ, huyện D có nguồn gốc do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng từ ông bà Vũ Văn K – Nguyễn Thị T3 vào ngày 20/3/2014. Đến ngày 12/5/2014, vợ chồng ông được UBND huyện D cấp GCN QSD đất số BU 438425 trên T1 bộ diện tích đất này.

Quá trình sử dụng thì ngày 17/3/2016, vợ chồng ông đã lập hợp đồng chuyển nhượng lại T1 bộ diện tích đất và cây trồng trên đất cho vợ chồng ông bà Nguyễn Mạnh T - Dương Thị T (*Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất được Văn phòng công chứng D chứng thực ngày 17/3/2016*). Theo thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng đất thì sau khi bên mua (ông T) thanh toán tiền mua đất, vợ chồng ông sẽ

giao đất, giấy tờ về QSD đất cho bên mua thì vợ chồng ông T còn có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng để thực hiện việc đăng ký, cấp CGN QSD đất theo quy định.

Sau khi hợp đồng được ký kết giữa hai bên thì vợ chồng ông T đã hoàn thành xong nghĩa vụ trả tiền mua đất còn vợ chồng ông đã giao GCN QSD đất và giao T1 bộ diện tích đất trên cho vợ chồng ông T canh tác, sử dụng từ tháng 3/2016 đến nay nên về quyền cũng như nghĩa vụ đối với diện tích 14.680m² Thuộc thửa 52 TBĐ 62 tại xã Đ, huyện D hiện tại vợ chồng ông không còn liên quan gì mà Thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T.

Do vậy đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh T yêu cầu hủy GCN QSD đất số BU 438425 do UBND huyện D cấp cho vợ chồng ông bà vào ngày 12/5/2014 thì ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay,

Người khởi kiện – ông Nguyễn Mạnh T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu HĐXX xem xét hủy GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 438425 do UBND huyện D cấp cho ông bà Nguyễn Thế P – Trần Thị U ngày 12/5/2014. Buộc UBND huyện D cấp lại GCN QSD đất cho vợ chồng ông bà trên diện tích 11.645m² còn lại (*trong đó có 400m² ONT và 11.245m² CLN*) Thuộc một phần thửa đất số 52 TBĐ 62 tại xã Đ, huyện D được thể hiện tại họa đồ thửa đất trích đo theo hiện trạng sử dụng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D thiết lập ngày 20/7/2017;

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy vắng mặt tại phiên tòa song theo lời khai thể hiện tại hồ sơ vụ án cho thấy các đương sự này vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết nội dung khiếu kiện của ông Nguyễn Mạnh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, đương sự:* Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về thụ lý vụ án, thụ thập chứng cứ, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và đối thoại giữa các đương sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, gửi các văn bản tố tụng cho VKS, tổng đạt cho những người tham gia tố tụng, đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định...;

Thành phần HĐXX tại phiên tòa hành chính sơ thẩm cũng đã thực hiện đúng quy định của Luật TTHC. Việc xét hỏi đúng trình tự, khách quan, đảm bảo quyền được trình bày, quyền tranh luận của đương sự.

Tại phiên tòa, các đương sự cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định như: Các bên đã thực hiện việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, lập văn bản ủy quyền đúng quy định, tham gia phiên tòa, trình bày và bảo vệ quan

điểm của mình. Bên cạnh đó, các đương sự cũng được nhận đầy đủ các văn bản tố tụng do Tòa án phát hành.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật TTHC năm 2015, chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của Nguyễn Mạnh T tuyên hủy một phần GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 438425 do UBND huyện D cấp cho ông bà Nguyễn Thế P – Trần Thị U ngày 12/5/2014 đối với diện tích đất đã cấp trùng lên đất của ông Phạm Xuân N 765m², bà Nguyễn Thị T1 1.080m² và ông Nguyễn Văn T1 là 1.190m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Hội đồng xét xử, về chấp hành pháp luật của các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng ông Nguyễn Thế P – bà Trần Thị U và vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T – bà Dương Thị T ngày 17/3/2016, ông bà T – T tiến hành thủ tục sang tên trên GCN QSD đất thì tại Báo cáo số 155/BC/VPĐKĐĐ ngày 05/10/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Lâm Đồng cho thấy phần diện tích đất thuộc thửa 52 TBĐ 62 được UBND huyện D cấp GCN QSD đất cho ông bà Nguyễn Thế P – Trần Thị U số BU 438425 ngày 12/5/2014 cấp trùng lên đất gia đình bà Nguyễn Thị T1 đang quản lý, sử dụng.

Ngày 15/3/2017, ông Nguyễn Mạnh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy D cấp cho ông bà Nguyễn Thế P – Trần Thị U số BU 438425 ngày 12/5/2014; Và buộc UBND huyện D cấp lại GCN QSD đất cho hộ gia đình ông đúng với thực trạng sử dụng đất trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất được lập ngày 13/7/2016 giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông Nguyễn Thế P.

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 – Luật tố tụng hành chính năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”, vụ việc được khởi kiện trong thời hiệu luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Xét nội dung khiếu kiện của ông Nguyễn Mạnh T thấy rằng:

Nguồn gốc diện tích 14.680m² đất (trong đó có 400m² đất ở và 14.260m² đất trồng cây lâu năm) Thuộc thửa 52 TBĐ 62 tọa lạc tại xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng là của vợ chồng ông bà Vũ Văn Khắc – Nguyễn Thị T3 chuyển nhượng cho ông bà Nguyễn Thế P – Trần Thị U trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất được Văn phòng công chứng A chứng thực ngày

20/3/2014 (Theo hợp đồng chuyển nhượng cho thấy diện tích đất này đã được UBND huyện D cấp GCN QSD đất số AM 863255 vào ngày 03/6/2008. BL 08 – 13, 15). Tại thời điểm chuyển nhượng, các bên không tiến hành việc kiểm tra, đo đạc xác định diện tích đất cụ thể mà chỉ căn cứ GCN QSD đất do UBND huyện D cấp số AM 863255 để lập hợp đồng chuyển nhượng QSD đất. Theo đó thì ngày 12/5/2014, ông P – bà U đã được UBND huyện D cấp GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 438425 trên toàn bộ diện tích đất này (BL 01, 02).

Đến ngày 17/3/2016, giữa vợ chồng ông Nguyễn Thế P – bà Trần Thị U và vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T – bà Dương Thị T lập Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất Thuộc thửa 52 trên (Hợp đồng chuyển nhượng được Văn phòng công chứng D chứng thực ngày 17/3/2016. BL 03 - 07). Việc chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất này giữa hai bên được thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức và đảm bảo thực hiện đúng theo với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 – Luật đất đai năm 2013. Như vậy, việc chuyển nhượng giữa vợ chồng ông P và vợ chồng ông U là hợp pháp.

Sau khi hợp đồng chuyển nhượng QSD đất được thiết lập, cả hai bên đều đã hoàn thành xong nghĩa vụ thanh toán - giao nhận đất, kể từ thời điểm tháng 3/2016 cho đến nay thì toàn bộ diện tích đất Thuộc thửa 52 do vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T trực tiếp canh tác, sử dụng nhưng vợ chồng ông T vẫn chưa hoàn thành thủ tục sang tên trên GCN QSD đất do một phần diện tích đất thửa 52 TBĐ 62 được UBND huyện D cấp GCN QSD đất cho ông bà Nguyễn Thế P – Trần Thị U số BU 438425 ngày 12/5/2014 cấp trùng lên đất gia đình bà Nguyễn Thị T1 đang quản lý, sử dụng (Theo Báo cáo số 155/BC/VPĐKĐĐ ngày 05/10/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Lâm Đồng. BL 14). Lẽ ra khi phát hiện thấy GCN QSD đất “cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất” thì UBND huyện D cần căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 – Luật đất đai năm 2013, giao cho phòng ban chuyên môn (cụ thể là Thanh tra huyện) thẩm tra, xác minh làm rõ và trên cơ sở đó tiến hành việc điều chỉnh trên GCN QSD đất cho phù hợp với thực trạng sử dụng đất để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất song do “người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất” nên UBND huyện D hướng dẫn cho ông T khởi kiện tại Tòa án để xem xét, giải quyết là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo họa đồ trích đo hiện trạng sử dụng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D thiết lập ngày 20/7/2017 (BL 71) thể hiện thì:

“Thửa đất số 52 TBĐ 62 diện tích đo đạc theo hiện là $11.645m^2$ (trong đó có $400m^2$ ONT và $11.245m^2$ CLN). Giảm $3.035m^2$ do bản đồ sai ranh so với hiện trạng, cụ thể:

- + Thửa 52 (62) trùng lên đất ông N đang quản lý, sử dụng $765m^2$ CLN;
- + Thửa 52 (62) trùng lên đất bà T1 đang quản lý, sử dụng $1.080m^2$ CLN;
- + Thửa 52 (62) trùng lên đất ông T1 đang quản lý, sử dụng $1.190m^2$ CLN”

Qua đó cho thấy diện tích đất thực tế của thửa 52 TBĐ 62 tọa lạc tại xã Đ hiện do vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T quản lý, sử dụng chỉ có $11.645m^2$ (trong đó có $400m^2$ ONT và $11.245m^2$ CLN). Tuy nhiên, UBND huyện D lại cấp GCN QSD trên diện tích $14.680m^2$ đất là không phù hợp với thực trạng sử dụng đất.

Đến ngày 18/9/2017, giữa vợ chồng ông P – bà U và vợ chồng ông T – bà T đã lập hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền đất (Hợp đồng được Văn phòng công chứng Phan Văn Minh Hoàng chứng thực) có nội dung sửa đổi khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất do Văn phòng công chứng D chứng thực ngày 17/3/2016 đối với thửa đất 52 TBĐ 62 từ diện tích $14.680m^2$ (trong đó có $400m^2$ đất ở và $14.280m^2$ đất trồng cây lâu năm) thành $11.645m^2$ (trong đó có $400m^2$ đất ở và $11.245m^2$ đất trồng cây lâu năm).

Như vậy có căn cứ để chấp nhận một phần nội dung khiếu kiện của ông Nguyễn Mạnh T tuyên hủy một phần GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 438425 do UBND huyện D cấp cho ông bà Nguyễn Thế P – Trần Thị U ngày 12/5/2014 đối với diện tích $3.035m^2$ do bản đồ sai ranh so với hiện trạng thực tế sử dụng đất của ông Nguyễn Mạnh T; Đối với diện tích $11.645m^2$ đất (trong đó có $400m^2$ ONT và $11.245m^2$ CLN) còn lại Thuộc thửa 52 TBĐ 62 tọa lạc tại xã Đ cần quy định cho vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T có trách nhiệm liên hệ với UBND huyện D để làm thủ tục cấp lại GCN QSD đúng thực trạng sử dụng đất đã được thể hiện tại họa đồ thửa đất trích đo theo hiện trạng sử dụng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D thiết lập ngày 20/7/2017 theo đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Lâm Đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tố tụng: Đối với diện tích đất Thuộc thửa 52 TBĐ 62 tại xã Đ, huyện D do vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T và bà Dương Thị T cùng đứng ra nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông P – bà U. Lẽ ra khi phát sinh khiếu kiện tại Tòa án cần đưa bà Dương Thị T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên xét thấy, giữa ông T và bà T là quan hệ vợ chồng, quyền và lợi ích của ông bà T – T trong vụ án là đồng nhất, không có sự xung đột gì và ông T khởi kiện nhằm bảo vệ quyền lợi chung của vợ chồng nên không cần thiết phải đưa bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Nguyễn Mạnh T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

- Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 193, Điều 204, Điều 206 và Điều 348- Luật tố tụng hành chính năm 2015;
- Căn cứ Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh T, xử:
- Hủy một phần GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 438425 do UBND huyện D cấp cho ông bà Nguyễn Thế P – Trần Thị U ngày 12/5/2014 trên diện tích 3.035m² Thuộc một phần thửa 52 TBĐ 62 tại xã Đ, huyện D do bản đồ sai ranh so với hiện trạng, cụ thể:

- + Thửa 52 (62) trùng lên đất ông N đang quản lý, sử dụng 765m² CLN;
- + Thửa 52 (62) trùng lên đất bà T1 đang quản lý, sử dụng 1.080m² CLN;
- + Thửa 52 (62) trùng lên đất ông T1 đang quản lý, sử dụng 1.190m² CLN;

- Vợ chồng Nguyễn Mạnh T có trách nhiệm liên hệ với UBND huyện D để hoàn thành thủ tục cấp lại GCN QSD đất đối với diện tích 11.645m² đất (*trong đó có 400m² ONT và 11.245m² CLN*) Thuộc thửa 52 TBĐ 62 tọa lạc tại xã Đ, huyện D theo đúng thực trạng sử dụng đất đã được thể hiện tại họa đồ thửa đất trích đo theo hiện trạng sử dụng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D thiết lập ngày 20/7/2017.

2/. Về án phí:

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Mạnh T 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm do ông Nguyễn Mạnh T đã tạm nộp theo biên lai thu số 0008261 ngày 10/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;

- Ủy ban nhân dân huyện D phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nói trên được tính từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp HCM ;
- Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chính phủ;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Võ Đình Nghị